

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 02-4-2021
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng, bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2020 “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần VN T(VPBANK). Trụ sở chính: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn V, chức vụ: Chuyên viên XLN KHDN MN (xử lý nợ, khách hàng doanh nghiệp Miền Nam). Địa chỉ: Tầng 1, số 96 Cao Thắng, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 45167/2020/UQ-PGD ngày 11/8/2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1986, là chủ hộ kinh doanh. Địa chỉ kinh doanh và nơi cư trú: T7, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1986, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1984, vắng mặt.

Cùng cư trú: T7, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Công thương Việt Nam trình bày:*

Ngày 11/10/2019 bà Lê Thị Cẩm N có ký kết với Ngân hàng TMCP VN T, chi nhánh A hợp đồng cho vay hạn mức số AGG/19023 thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất theo khế ước 22,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn trên số dư lãi chậm trả (không quá 10%/năm). Mục đích vay: phục vụ mua bán trái cây. Hình thức vay: tín chấp. Theo đó, bà N nhận tổng cộng số vốn vay là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ lần 01 ngày 11/10/2019, nhận số tiền vay 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 22.8%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 11/10/2019, ngày đến hạn 11/01/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 02 ngày 19/11/2019, nhận số tiền vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 22.8%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày giải ngân 19/11/2019, ngày đến hạn 19/02/2020.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Ông Nguyễn Quốc V (là chồng bà N) ký hợp đồng bảo lãnh số AGG/19023/HDBL ngày 11/10/2019 bằng tín chấp “toàn bộ nghĩa vụ” nhưng không thể chấp tài sản.

Đại diện Ngân hàng trình bày yêu cầu bà N và ông V trả ngay tiền vay gồm: nợ gốc và tiền lãi là 674.717.361 đồng tính từ ngày 19/11/2019 đến ngày 02/04/2021 (trong đó: nợ gốc là 470.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 9.110.559đ; nợ lãi quá hạn là 179.635.667đ và lãi phạt chậm trả là 15.971.135đ), tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 03/4/2021 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc.

** Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quốc V đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tuân theo pháp luật:

- + Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Xét thấy hợp đồng cho vay hạn mức số AGG/19023 ngày 11/10/2019 và hợp đồng bảo lãnh số AGG/19023/HDBL ngày 11/10/2019 bằng tín chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và tuân thủ pháp luật về công chứng, chứng thực nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Quá trình vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 335, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn bà Lê Thị Cẩm N, là chủ hộ kinh doanh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quốc V cùng cư trú tại T7, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Bị đơn bà Lê Thị Cẩm N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử.

- Quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VN T(VPBank) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng cho vay hạn mức với bà Lê Thị Cẩm N với mục đích: Bổ sung vốn phục vụ mua bán trái cây, có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52G8005241 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 02 năm 2015 tên hộ kinh doanh Lê Thị Cẩm N. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điều 335 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Xét hợp đồng cho vay hạn mức số AGG/19023 ngày 11/10/2019 giữa bà Lê Thị Cẩm N ký kết Ngân hàng TMCP VN T tại chi nhánh A được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy

định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18, 23, 27 và Điều 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010. Vì vậy, sau khi hợp đồng ký kết đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về biện pháp giao dịch bảo đảm: Đối với hợp đồng bảo lãnh số AGG/19023/HDBL ngày 11/10/2019 giữa ông Nguyễn Quốc V ký với Ngân hàng TMCP VN T tại chi nhánh A nhằm “bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ” cho bên vay, nhưng không bảo lãnh bằng tài sản được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định tại Điều 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó cũng phát sinh quyền và nghĩa vụ bảo lãnh của ông V đối với hợp đồng hợp đồng cho vay hạn mức số AGG/19023 ngày 11/10/2019 giữa bà N với Ngân hàng.

Theo bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02 tháng 4 năm 2021) bà Lê Thị Cẩm N còn nợ tổng cộng nợ gốc và tiền lãi 674.717.361 đồng tính từ ngày 19/11/2019 đến ngày 02/04/2021 (trong đó: nợ gốc là 470.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 9.110.559đ; nợ lãi quá hạn là 179.635.667đ và lãi phạt chậm trả là 15.971.135đ). Việc tính lãi của Ngân hàng phù hợp với hợp đồng hợp đồng cho vay hạn mức số AGG/19023 ngày 11/10/2019 được ký kết giữa các bên. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn, nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn và lãi là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời, ông V có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N trả số nợ này.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280, 288, 335, 336, 342, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VN T đối với bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quốc V.

- Buộc bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quốc V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) VN T, tổng cộng nợ gốc và tiền lãi 674.717.361 đồng (*sáu trăm, bảy mươi bốn triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, ba sáu một đồng*). Trong đó, nợ gốc là 470.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 9.110.559đ; nợ lãi quá hạn là 179.635.667đ và lãi phạt chậm trả là 15.971.135đ) tính đến ngày 02/4/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quốc V phải chịu 30.988.000đ (*ba mươi triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) VN T tiền tạm ứng án phí 12.235.000 đồng (mười hai triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0005874 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- TA tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ